

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 52/2022/HS-ST
Ngày 21 - 3 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Hồng Hải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tịnh Tâm**.

2. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Nguyệt Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Triệu** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 và các Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị cáo:

T.V.L; sinh ngày 15 tháng 10 năm 1968 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: Ấp G.N, xã N.P.T, huyện M.C.B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T.V.T (chết) và bà P.T.P; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/9/2021 (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H.M). Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt.

Những người tham gia tố tụng:

Người bào chữa cho bị cáo T.V.L: Ông **Đ.A.P.V** - Luật sư của Văn phòng luật sư Chung Vinh thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị hại: Ông **C.T.D**, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M.T, xã M.H.Đ huyện C.M, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà **C.T.K.O**, sinh năm 1961. (vắng mặt)

Địa chỉ: C10/6 ấp T.N 1, xã T.T.N, huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 29/10/2004, T.V.L hỏi mượn xe gắn máy hiệu Honda Dream, biển số: 51Y1 - 6902 của ông C.T.D để đi công chuyện. Sau khi mượn được xe thì L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe gắn máy trên mang đi bán lấy tiền tiêu xài nên đã bỏ trốn, không quay lại trả xe cho ông D .

Đến tháng 11/2004, L mang chiếc xe gắn máy trên đến huyện B.C, bán cho ông L.V.N với giá 5.000.000 đồng. Theo thỏa thuận ông N đưa trước cho L số tiền 2.000.000 đồng nhưng chỉ lấy xe sử dụng, còn giấy đăng ký xe L sẽ giữ đến khi nhận đủ số tiền 3.000.000 đồng. Đến ngày 07/3/2005, ông N điều khiển xe đến huyện B.C, Thành phố Hồ Chí Minh mang số tiền còn lại trả cho L để lấy giấy tờ xe. Tại đây, L đòi ý không bán nữa và xin chuộc lại xe, sau đó L hỏi mượn lại xe gắn máy biển số: 51Y1 - 6902 từ ông N để đi lấy tiền về trả cho ông N. Tuy nhiên, sau khi mượn được xe thì L đã chiếm đoạt và bỏ trốn.

Đối với ông C.T.D sau khi không thấy T.V.L về trả xe thì ông D đã đến trình báo sự việc với Công an huyện H.M để lập hồ sơ xử lý. Ngày 27/4/2006, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H.M đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can. Tuy nhiên, T.V.L đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã, Quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can.

Đến ngày 22/9/2021, T.V.L bị bắt theo Quyết định truy nã, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án đối với bị can, Quyết định phục hồi điều tra bị can để tiến hành điều tra, truy tố theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, T.V.L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại Biên bản định giá tài sản số: 95/2009 ngày 26 tháng 8 năm 2009 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H.M kết luận: Xe gắn máy hiệu Honda Dream, biển số: 51Y1 - 6902 trị giá 6.300.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 07/CT-VKS-HS ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo T.V.L ra trước Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo T.V.L từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về dân sự: Bị hại không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo T.V.L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trong quá trình điều tra, bị cáo không bị ép cung, mớm cung hay bị đánh đập. Bị cáo bị bắt, truy tố, xét xử là không oan sai. Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã nhận thức được sai lầm của bản thân và rất ăn năn hối hận về hành vi của mình. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, Luật sư Đ.P.A.V bào chữa cho bị cáo T.V.L xác định nội dung Cáo trạng truy tố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là phù hợp. Tuy nhiên, cần xem xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: bị cáo L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có trình độ học vấn thấp, hiểu biết về pháp luật còn hạn chế. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Xét thấy Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại và người có quyền lợi liên quan đến vụ án vắng mặt. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 và Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, đồng thời tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và quá trình giải quyết vụ án, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như nội dung trình bày của bị cáo tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở chứng minh vào khoảng

17 giờ 00 phút ngày 29/10/2004, bị cáo có hành vi mượn xe gắn máy hiệu Honda Dream, biển số: 51Y1 - 6902 của bị hại ông C.T.D nhưng sau đó đã bỏ trốn, không quay lại trả xe cho ông D nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền tiêu xài đúng như nội dung Cáo trạng truy tố.

[3] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hóc Môn kết luận tài sản bị chiếm đoạt trị giá 6.300.000 đồng. Do đó, Bản cáo trạng số: 07/CT-VKS-HS ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện H.M, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo T.V.L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ một triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới một triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả; ...”

[4] Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên cho thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe gắn máy hiệu Honda Dream, biển số: 51Y1 - 6902, qua xác minh do bà C.T.K.Ở đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc, bà Oanh khai cho ông C.T.D mượn làm phương tiện đi lại. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe gắn máy trên cho bà C.T.K.O là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại ông C.T.D vắng mặt nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Dũng không có yêu cầu bị cáo bồi thường về phần dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với ông LV.N, khi mua xe gắn máy hiệu Honda Dream, biển số: 51Y1 - 6902 ông N không biết xe do bị cáo phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[9] Đối với hành vi chiếm đoạt xe gắn máy hiệu Honda Dream, biển số: 51Y1 - 6902 và nhận tiền mua bán xe từ ông L.V.N của bị cáo T.V.L xảy ra tại địa bàn huyện B.C. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H.M đã thông báo đến Công an huyện B.C để điều tra, xử lý theo thẩm quyền, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 290 và Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo **T.V.L** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo T.V.L 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 22/9/2021.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tạm giam bị cáo Trương Văn Lâu thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Buộc bị cáo T.V.L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Người bào chữa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Cơ quan điều tra Công an H. Hóc Môn;
- Chi cục Thi hành án DS H. Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ Công an H. Hóc Môn;
- UBND xã Nhuận Phú Tân,
huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trịnh Hồng Hải